

Bản án số: 169/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 14/9/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa
2. Ông Dương Khánh Luy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Ông Phạm Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 119/2017/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2017/QĐXXST-HNGD ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Hồng Q - Sinh năm 1981;

HKTT: Thôn An Tiêm B, TD, TT, Thái Bình; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn N - Sinh năm 1979;

HKTT: SN BT, tổ BM, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Phan Thị Hồng Q trình bày: Chị Q và anh N kết hôn ngày 18/9/2002, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N nghiện ma túy và có hành vi bạo lực gia đình. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cãi chửi và anh N thường xuyên đánh chị Quyên. Đến tháng 8 năm 2011 anh N bị xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Sau khi chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/4/2017 anh N

trở về địa phương. Trở về nhà được 01 tháng thì chị Q lại phát hiện anh N sử dụng ma túy, chị Q đã khuyên bảo anh N cai nghiện nhưng anh N không thay đổi. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017, sau khi sống ly thân chị Q về nhà bố mẹ đẻ ở xóm B AT, xã TD, huyện TT, tỉnh Thái Bình sinh sống cho đến nay. Sau khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đặng Ngọc H, sinh ngày 02/5/2003, hiện nay cháu đang ở với anh N. Chị Q đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành vì anh N là đối tượng nghiện ma túy. Chị Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N xác nhận anh và chị Q có quan hệ hôn nhân như chị Q trình bày. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh N cho rằng do chị Q nghi ngờ anh N sử dụng ma túy nhưng thực tế anh N không sử dụng ma túy. Quá trình mâu thuẫn anh N xác nhận có đánh chị Q nhưng chỉ đánh 2 lần chứ không phải thường xuyên như chị Q trình bày. Anh N xác nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 06/6/2017 cho đến nay, sau khi ly thân anh N không liên lạc được với chị Q do không có số điện thoại. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh N xác nhận giữa anh chị có 01 con chung như chị Q trình bày. Trường hợp ly hôn anh N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phan Thị Hồng Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Văn N và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh Đặng Văn N không nhất trí ly hôn nhưng không đưa ra được cách khắc phục tình cảm vợ chồng, trường hợp chị Q nhất trí cho anh nuôi con thì anh N cũng nhất trí ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Anh chị đều xác nhận không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng Q về việc xin ly hôn với anh Đặng Văn N. Về việc nuôi con chung: Mặc dù con chung có nguyện vọng muốn ở với bố nhưng chị Q có việc làm ổn định và môi trường sống tốt hơn anh N, đề nghị Hội đồng xét xử ra phán quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Phan Thị Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh N kết hôn ngày 18/9/2002, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Q và anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ tòa án thu thập được (Biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai của con) cho thấy giữa anh N và chị Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N nghiện ma túy, anh N đã bị áp dụng biện pháp đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc vào tháng 9 năm 2004, sau đó đến tháng 8 năm 2011 anh N bị xử phạt 7 năm về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đến 11/4/2017 trở về địa phương nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cãi chửi, đánh đập và đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã nhiều năm nhưng không tìm được biện pháp hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị N đã quay về nhà mẹ đẻ tại Thái Bình và sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Sau khi ly thân chị Q và anh N không liên lạc với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N yêu cầu được đoàn tụ nhưng lại không đưa ra được biện pháp gì nhằm khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại phiên tòa, chị Q và anh N cùng thừa nhận từ thời điểm ly thân đến thời điểm mở phiên tòa cả hai người không khắc phục được mâu thuẫn để hàn

gắn tình cảm vợ chồng, anh chị vẫn sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh N nhất trí ly hôn nếu chị Q cho anh N được quyền nuôi con. Mặc dù anh N yêu cầu đoàn tụ nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh N chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân của chị Q và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu cố kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả nên cần cho ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Chị Q và anh N có một con chung là Đặng Ngọc H, sinh ngày 02/5/2003. Chị Q hiện nay sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Thái Bình, làm nghề may và bán hoa quả với mức thu nhập khoảng trên 4 triệu đồng một tháng, có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2017 cháu Đặng Ngọc H có nguyện vọng muốn ở với bố, tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy anh Đặng Văn N là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, nếu giao con chung cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ không đảm bảo cho cháu có môi trường sống và sự phát triển tốt. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh N.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Do chị Q và anh N đều xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Hồng Q. Xử cho chị Phan Thị Hồng Q được ly hôn anh Đặng Văn N.

- Về con chung: Giao con chung Đặng Ngọc H, sinh ngày 02/5/2003 cho chị Phan Thị Hồng Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con

chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đặng Văn N.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Hồng Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Q đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000152 ngày 20/07/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị Phan Thị Hồng Q và anh Đặng Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hoài Phương